

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/DS-ST

Ngày: 20-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Kim Xuyên.
- Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Chánh Tín – Kiểm sát viên.

Trong 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Q đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, đường T - T, Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964.
 - Ông Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác: Nguyễn Văn T3), sinh năm 1992.
- Cùng địa chỉ: Đường B, Khu phố B, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H, sinh năm 1954; địa chỉ: Số A, đường T - T, Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:

Bà Võ Thị Kim T với ông Nguyễn Văn T1 là chỗ quen biết. Vào ngày 24/9/2023, ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2 (Nguyễn Văn T3) có vay của bà T số tiền 550.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng; mục đích vay tiền để kinh doanh đồ gỗ; thời hạn vay từ ngày 24/9/2023 đến ngày 24/12/2023; khi vay có viết Giấy mượn vốn ghi ngày 15/12/2023.

Bà T yêu cầu ông T1 và ông T2 liên đới trả số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 24/01/2024 đến ngày 24/10/2024 là 55.000.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 605.000.000 đồng. Bà T yêu cầu ông T1, ông T2 tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 (Nguyễn Văn T3) đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt và không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày:

Ông Trần Văn H với bà Võ Thị Kim T là vợ chồng; ông H thống nhất với lời trình bày của bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2 (Nguyễn Văn T3) liên đới trả số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 21/01/2024 đến ngày 24/10/2024 là 55.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 605.000.000 đồng; yêu cầu được tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1, ông T2 vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận đã nhận của ông T1, ông T2 tiền lãi của tháng 10 và 11 năm 2023 là 10.000.000 đồng; thừa nhận có cho ông T1 vay số tiền 205.000.000 đồng theo Giấy mượn vốn ngày 07/8/2022, nhưng ông T1 đã trả xong; thừa nhận ông T1 có vay của bà T số tiền 490.000.000 đồng theo Giấy mượn vốn ngày 24/9/2023 và ông T1 có vay thêm của bà T số tiền 60.000.000 đồng nhưng không ghi biên nhận nợ nên ngày 15/12/2023 bà T và ông T1, ông T2 thỏa thuận gộp khoản vay 490.000.000 đồng và khoản vay 60.000.000 đồng thành khoản vay 550.000.000 đồng theo G mượn vốn ngày 15/12/2023, nên bà T chỉ yêu cầu ông T1, ông T2 trả nợ gốc 550.000.000 đồng và nợ lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 24/01/2024 đến ngày 20/5/2025 là 550.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 01 năm 03 tháng 26 ngày = 72.431.000 đồng; tổng cộng là 622.431.000 đồng.

Bà T yêu cầu ông T1, ông T2 tiếp tục trả tiền lãi chậm trả tính trên số tiền nợ gốc chưa trả đến khi trả xong tiền nợ gốc. Đối với khoản vay theo Giấy mượn vốn ngày 07/8/2022 đã trả xong và khoản vay theo Giấy mượn vốn ngày 24/9/2023 đã gộp thành số tiền 550.000.000 đồng theo Giấy mượn vốn ngày 15/12/2023 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T1, ông T2 vắng mặt không lý do. Ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã tuân thủ pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa thì có căn cứ xác định nguyên đơn bà T với bị đơn ông T1, ông T2 (T3) đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo Giấy mượn vốn ghi ngày 15/12/2023 số tiền gốc 550.000.000 đồng; mục đích vay để kinh doanh đồ gỗ; thời hạn vay từ ngày 24/9/2023 đến ngày 24/12/2023; không ghi lãi suất nên bà T yêu cầu ông T1, ông T2 liên đới trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Các bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể nên bị đơn ông T1, ông T2 phải trả lãi cho nguyên đơn bà T theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày hết thời hạn vay là ngày 24/12/2023, nhưng bà T chỉ yêu cầu ông T1, ông T2 trả nợ lãi vay từ ngày 24/01/2024 đến ngày 20/5/2025 là 72.431.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Võ Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 trả nợ vay theo Giấy mượn vốn ngày 15/12/2023. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bà T yêu cầu ông T1, ông T2 trả tiền nợ gốc và nợ lãi. Ông T1, ông T2 không có yêu cầu phản tố; ông H không có yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 24/01/2024 đến ngày 20/5/2025 là trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo Giấy mượn vốn ngày 24/9/2023, Giấy mượn vốn ngày 15/12/2023 và sự thừa nhận của bà T, ông H thì ngày 24/9/2023 bà T có cho ông T1 vay số tiền 490.000.000 đồng và ông T1 có vay thêm của bà T số tiền 60.000.000 đồng (không ghi biên nhận tiền) nên đến ngày 15/12/2023 thì bà T với ông T1, ông T2 thỏa thuận gộp khoản vay 490.000.000 đồng và khoản vay

60.000.000 đồng thành số tiền nợ 550.000.000 đồng theo Giấy mượn vốn ngày 15/12/2023, nên có căn cứ xác định giữa bà T với ông T1 và ông T2 đã giao kết hợp đồng vay tài sản với số tiền 550.000.000 đồng; mục đích vay để kinh doanh đồ gỗ; thời hạn vay từ ngày 24/9/2023 đến ngày 24/12/2023; không thỏa thuận mức lãi suất. Như vậy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập theo ý chí tự nguyện của các bên, mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Cho nên bà T yêu cầu ông T1, ông T2 phải có nghĩa vụ trả nợ gốc 550.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[5] Về trả nợ lãi: Theo Giấy mượn vốn ngày 15/12/2023 thì các bên không thỏa thuận mức lãi suất nên ông T1, ông T2 phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày hết thời hạn vay (ngày 25/12/2023) theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng bà T yêu cầu ông T1, ông T2 trả nợ lãi vay từ ngày 24/01/2024 đến ngày 20/5/2025 là 72.431.000 đồng, là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Như đã phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T1, ông T2; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn ông T1, ông T2 phải liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác: Nguyễn Văn T3) về yêu cầu trả nợ vay theo Giấy mượn vốn ngày 15/12/2023.

Buộc ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Kim T số tiền 622.431.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới nộp số tiền là 28.897.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương